

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày 23 – 6 – 2023

Về việc tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Sang

Bà Nguyễn Thị Mai Rý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1681/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số A, H, 4-1-2 Chuo, E, T, Nhật Bản.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số nhà B, Tổ A, ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2023, đơn xin vắng mặt ngày 24/4/2023, nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày như sau:

Tôi và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn ngày 17/02/2021 tại Đ tại Nhật Bản. Thời gian đầu, cả hai chung sống hạnh phúc. Nhưng khoảng thời gian cuối năm 2021, anh T muốn trở về Việt Nam sinh sống để chăm sóc cha mẹ già yếu, phát triển sự nghiệp ở Việt Nam nên muốn tôi cùng con gái cùng trở về nhưng tôi không đồng ý. Do vậy, cả hai thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống với nhau. Đến tháng 9/2022, khi anh T trở về Việt Nam, cả hai vẫn bất đồng quan điểm không thể hàn gắn được nên cả hai đã ly thân đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên

chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã U, sinh ngày 16/8/2021, hiện đang sống cùng chị Đinh Thị H. Chị H yêu cầu chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng cho cháu U.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ngày 09/6/2023, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày trong đơn xin ly hôn của chị Đinh Thị H về hoàn cảnh tiến tới hôn nhân, việc đăng ký kết hôn, những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống. Nay anh biết sự việc chị H nộp đơn ly hôn tại Tòa án. Anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Đinh Thị H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã U, sinh ngày 16/8/2021, hiện đang sống cùng chị Đinh Thị H. Anh đồng ý để chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu U và anh không cấp dưỡng cháu U.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do khoảng cách địa lý và điều kiện kinh tế còn hạn hẹp, khó khăn trong việc đi lại nên anh yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre và Tòa án nhân dân cấp trên (nếu có) giải quyết vắng mặt anh.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa chị Đinh Thị H và anh Nguyễn Văn T là ly hôn, nguyên đơn chị Đinh Thị H hiện đang ở Nhật Bản; bị đơn anh Nguyễn Văn T, địa chỉ: Số B, tổ A, ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị H và anh Nguyễn Văn T xác lập hôn

nhân với nhau vào năm 2021 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Đ tại Nhật Bản đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 206/Q5 ngày 17/02/2021 nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nhận thấy, chị H và anh T cùng trình bày sau khi kết hôn tại Nhật Bản được một thời gian, anh T quay về Việt Nam sinh sống, làm việc cho đến nay, vì khoảng cách địa lý, bất đồng về quan điểm sống của hai bên nên anh chị không có điều kiện gặp nhau để vun đắp tình cảm cũng như chia sẻ giúp đỡ nhau trong cuộc sống hàng ngày, đến nay chị H vẫn còn làm việc ở nước ngoài nên anh chị nhận thấy tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, không thể hàn gắn đoàn tụ. Chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Khi biết chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh T cũng trình bày ý kiến là đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy trong thời gian sống chung, chị H và anh T có phát sinh mâu thuẫn, hiện tại các bên không còn thực hiện nghĩa vụ vợ chồng là quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh T đều xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án cũng không thể hòa giải đoàn tụ.

Từ những phân tích trên, nhận thấy việc chị H yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở và anh T cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị H và anh T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh T đều trình bày thống nhất về con chung là cháu Nguyễn Ngọc Nhã U, sinh ngày 16/8/2021, hiện đang sống cùng chị H. Nguyên đơn chị Đinh Thị H yêu cầu chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu U và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Bị đơn anh Nguyễn Văn T thống nhất với lời trình bày của chị H là chị H là người trực tiếp chăm sóc cháu U và anh không cấp dưỡng cháu U. Nhận thấy, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất người trực tiếp nuôi dưỡng cháu U và cháu U hiện còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) nên để chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu U là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5] Về nợ chung: Chị H và anh T trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không nhận đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Chị Đinh Thị H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Đinh Thị H đối với anh Nguyễn Văn T.

1.1. Về hôn nhân: Chị Đinh Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T

Chị Đinh Thị H và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

1.2. Về con chung: Chị Đinh Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã U, sinh ngày 16/8/2021. Ghi nhận việc chị Đinh Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Chị Đinh Thị H và anh Nguyễn Văn T đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Chị Đinh Thị H và anh Nguyễn Văn T trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không nhận đơn yêu cầu

độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004570 ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Chị Đinh Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Lương